

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6- 2023

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc;

Ông Trần Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Tạ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã G (nay là thị trấn Q) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08- 01- 2003. Sau đó, vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn để chăm lo cho cuộc sống gia đình. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Trần Văn T, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Mạnh Đ, sinh ngày 16-11- 2004 và Trần Văn C, sinh ngày 06- 04- 2012. Hiện nay, con chung là Trần Mạnh Đ đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng; con chung là Trần Văn C đang ở cùng anh T, ly hôn chị nhận nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản: Chị không đề nghị giải quyết.

Ý kiến của anh Trần Văn T:

Anh và chị Tạ Thị L được Ủy ban nhân dân xã G (nay là thị trấn Q) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08- 01- 2003. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống bình thường không có mâu thuẫn. Nay chị L đề nghị ly hôn, anh không nhất trí vì anh là người theo đạo Thiên chúa, anh muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Mạnh Đ, sinh ngày 16-11- 2004 và Trần Văn C, sinh ngày 06- 04- 2012. Hiện nay, con Trần Mạnh Đ đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng; con chung là Trần Văn C đang ở cùng anh, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh tôn trọng sự lựa chọn của con chung.

Về tài sản: Anh không đề nghị giải quyết.

Ý kiến cháu Trần Văn C: Đề nghị được chị Tạ Thị L trực tiếp nuôi.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thị trấn Q, huyện G: Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, con chung như chị Tạ Thị L trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa chị Tạ Thị L và anh Trần Văn T. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Trần Văn C, sinh ngày 06- 4- 2012 cho chị Tạ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tạ Thị L và bị đơn anh Trần Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị L và anh Trần Văn T kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của chị L và anh T không có hạnh phúc, đã sống ly thân. Chị L xin ly hôn, anh T không nhất trí ly hôn với lý do theo lẽ giáo đạo Thiên

chúa mà anh theo không được ly hôn, anh T không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị L và anh Trần Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tạ Thị L và anh Trần Văn T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Mạnh Đ, sinh ngày 16- 11- 2004 và Trần Văn C, sinh ngày 06- 04- 2012. Hiện nay, cháu Đ đã trưởng thành lao động tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Căn cứ nguyện vọng của các đương sự, của con chung và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung; xét giao chị L trực tiếp nuôi cháu Trần Văn C là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện tại cháu C đang ở với anh T; vì vậy, anh T phải có nghĩa vụ giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tạ Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Tạ Thị L là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự đều vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Tạ Thị L và anh Trần Văn T.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử: Giao cho chị Tạ Thị L trực tiếp nuôi con chung là Trần Văn C, sinh ngày 06- 4- 2012. Anh Trần Văn T có trách nhiệm giao con Trần Văn C cho chị Tạ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Chị Tạ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000399 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Tạ Thị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự: 02 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- UBND thị trấn Quất Lâm: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên